



Bản tin cập nhật nhanh về Thuế

Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 quy định về quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết

Ngày 1 tháng 3 năm 2017

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

Chính phủ Việt Nam đã chính thức ban hành **Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017** (“Nghị định 20”) quy định về quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Nghị định 20 sẽ chính thức có hiệu lực kể từ **ngày 01 tháng 05 năm 2017**.

Trong Bản tin thuế này, Deloitte Việt Nam sẽ tóm tắt những nội dung thay đổi chính và những yêu cầu quan trọng của Nghị định 20 về tuân thủ mà người nộp thuế cần đặc biệt chú ý, cũng như cần nhắc những điều chỉnh phù hợp đối với mô hình kinh doanh như sau:

Phần	Nội dung	Trang
1	Thay đổi trong quy định về bên liên kết	1
2	Các lưu ý về phân tích so sánh và xác định giá giao dịch liên kết trong thanh tra thuế/giá chuyển nhượng	4
3	Chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp	5
4	Các trường hợp miễn nghĩa vụ chuẩn bị Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết và kê khai	6
5	Giới thiệu các biểu mẫu đính kèm Nghị định 20	6
6	Thời hạn cho việc chuẩn bị, lưu trữ, xuất trình Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết và các tờ khai	7
7	Quyền hạn của cơ quan thuế trong quản lý giá giao dịch liên kết	7
8	Đánh giá chung	8
	<i>Phụ lục: Tóm tắt các biểu mẫu được đính kèm Nghị định 20</i>	9

PHẦN 1: THAY ĐỔI TRONG ĐỊNH NGHĨA VỀ BÊN LIÊN KẾT

Cụm từ: “Các bên có quan hệ liên kết” (“bên liên kết”) được sử dụng để chỉ các bên có mối quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến quản lý và kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư cho một bên khác. Nghị định 20 phân loại các mối quan hệ này thành 10 loại, trong khi Thông tư 66 bao gồm 13 loại. Dưới đây là tổng hợp những thay đổi đáng kể:

(Lưu ý: Số thứ tự, ví dụ a, b, c... được lấy theo đúng nội dung tại Thông tư 66 và Nghị định 20)

Bảng 1

Thông tư 66	Nghị định 20
Quan hệ liên kết trực tiếp – Sở hữu	
Hai bên được coi là có mối quan hệ liên kết nếu tỷ lệ vốn đầu tư của chủ sở hữu ít nhất là 20% . Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> a. Một doanh nghiệp nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 20% vốn đầu tư của chủ sở hữu của doanh nghiệp kia; b. Cả hai doanh nghiệp đều có ít nhất 20% vốn đầu tư của chủ sở hữu do một bên thứ ba nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp; c. Cả hai doanh nghiệp đều nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 20% vốn đầu tư của chủ sở hữu của một bên thứ ba; 	Tỷ lệ góp vốn của chủ sở hữu được tăng lên 25% . Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> a. Một doanh nghiệp nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp kia; hoặc b. Cả hai doanh nghiệp đều nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của một bên thứ ba; Điều kiện (c) đã bị xóa bỏ.
Quan hệ liên kết gián tiếp – Vay vốn	
Hai bên được coi là có mối quan hệ liên kết nếu mức tỷ lệ phần trăm của khoản bảo lãnh hoặc tài trợ vốn bằng ít nhất 20% vốn góp	Tỷ lệ của khoản bảo lãnh hoặc tài trợ vốn được tăng lên bằng ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu. Cụ thể:

Thông tư 66	Nghị định 20
<p>của chủ sở hữu. Cụ thể:</p> <p><i>e. Một doanh nghiệp bảo lãnh hoặc cho một doanh nghiệp khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào với điều kiện khoản vốn vay ít nhất bằng 20% vốn đầu tư của chủ sở hữu của doanh nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay;</i></p>	<p><i>d. Một doanh nghiệp bảo lãnh hoặc cho một doanh nghiệp khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm cả các khoản vay từ bên thứ ba được đảm bảo từ nguồn tài chính của bên liên kết và các giao dịch tài chính có bản chất tương tự) với điều kiện khoản vốn vay ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp đi vay và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của doanh nghiệp đi vay;</i></p>
Quan hệ liên kết gián tiếp – Quan hệ kinh doanh	
<p>Bên độc lập có giao dịch với Công ty được coi là liên kết nếu chiếm tỷ trọng từ 50% doanh thu hoặc chi phí được bán/mua từ bên độc lập đó. Cụ thể:</p> <p><i>j. Một doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm sử dụng tài sản vô hình hoặc quyền sở hữu trí tuệ của một doanh nghiệp khác với điều kiện chi phí phải trả cho việc sử dụng tài sản vô hình, quyền sở hữu trí tuệ đó chiếm trên 50% giá vốn (hoặc giá thành) sản phẩm;</i></p> <p><i>k. Một doanh nghiệp cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp trên 50% tổng giá trị nguyên vật liệu, vật tư hoặc sản phẩm đầu vào (không bao gồm chi phí khấu hao đối với tài sản cố định) để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm đầu ra của một doanh nghiệp khác;</i></p> <p><i>l. Một doanh nghiệp kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp trên 50% sản lượng sản phẩm tiêu thụ (tính theo từng chủng loại sản phẩm) của một doanh nghiệp khác.</i></p>	<p>Bỏ định nghĩa này.</p>
<p><i>m. Hai doanh nghiệp có thỏa thuận hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng được coi là bên liên kết.</i></p>	<p>Bỏ định nghĩa này.</p>
Các trường hợp mới được bổ sung vào Nghị định 20	
	<p>Hai bên được coi là liên kết trong các trường hợp sau:</p> <p><i>i. Một hoặc nhiều doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của một cá nhân thông qua vốn góp của cá nhân này vào doanh nghiệp đó hoặc trực tiếp tham gia điều hành doanh nghiệp; hoặc</i></p> <p><i>k. Các trường hợp khác trong đó doanh nghiệp chịu sự điều hành, kiểm soát quyết định trên thực tế đối với hoạt</i></p>

Thông tư 66	Nghị định 20
	<p><i>động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp kia;</i></p> <p>Mặc dù điều kiện (k) nhất quán với nguyên tắc: "Bản chất quyết định hình thức", nhưng chưa có giải thích rõ về: "các trường hợp khác". Việc thêm điều khoản này và bỏ quy định về quan hệ kinh doanh (nghĩa là tỷ trọng 50% của doanh thu hoặc chi phí) có thể dẫn tới thách thức của cơ quan thuế cho những doanh nghiệp có hoạt động, giao dịch kinh doanh trọng yếu với doanh nghiệp khác.</p>

PHẦN 2: CÁC LƯU Ý VỀ PHÂN TÍCH SO SÁNH VÀ ĐIỀU CHỈNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT TRONG THANH TRA THUẾ/GIÁ CHUYỂN NHƯỢNG

Nghị định 20 cung cấp thêm hướng dẫn về phân tích so sánh và xác định giá giao dịch liên kết so với Thông tư 66. Các thay đổi quan trọng nhất được trình bày ở bảng sau:

Bảng 2:

Thông tư 66	Nghị định 20
<p>Công ty so sánh</p> <p>Để lựa chọn các công ty so sánh, người nộp thuế có thể chọn lựa các thông tin có nguồn hợp pháp và có thể được xác minh khi có yêu cầu của cơ quan thuế để xác định tính thị trường của giao dịch liên kết. Do đó, không có giới hạn về mặt địa lý của các thông tin đối với công ty so sánh.</p>	<p>Việc lựa chọn các công ty so sánh cần thực hiện theo thứ tự ưu tiên về dữ liệu được đưa ra (và các điều chỉnh về khác biệt trọng yếu, nếu có), như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Thông tin so sánh nội bộ của người nộp thuế; (ii) Thông tin so sánh nằm trong cùng một nước và lãnh thổ với người nộp thuế; (iii) Thông tin so sánh nằm trong vùng có điều kiện ngành nghề và phát triển kinh tế tương tự;
<p>Giá trị điều chỉnh</p> <p>Không có hướng dẫn cụ thể về giá trị điều chỉnh trong phân tích so sánh</p>	<p>Trong quá trình phân tích so sánh, giá trị để điều chỉnh các giao dịch liên kết cho phù hợp với các nguyên tắc giá thị trường là giá của giao dịch tương đương (trong trường hợp phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập được áp dụng) hoặc giá trị giữa của khoảng giao dịch độc lập chuẩn được thiết lập bởi công ty độc lập (trong trường hợp các phương pháp khác được áp dụng)</p>
<p>Ấn định thuế</p> <p>Trong trường hợp bị thanh tra thuế/giá chuyển nhượng và người nộp thuế bị ấn định số thuế phải nộp, Thông tư 66 quy định giá trị bị ấn định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ <i>Giá trị hợp lý nhất để thực hiện điều chỉnh cho giá bán/lợi nhuận là giá trị không thấp hơn giá trị trung vị của thuộc biên độ giá thị trường chuẩn xác định bởi cơ quan thuế;</i> ✓ <i>Giá trị hợp lý nhất để thực hiện điều chỉnh</i> 	<p>Nghị định 20 có đề cập tới việc cơ quan thuế ấn định số thuế phải nộp, tuy nhiên không nêu rõ giá trị được ấn định. Theo hướng dẫn về phân tích so sánh và giá trị điều chỉnh giá chuyển nhượng, giá trị trung vị có thể được sử dụng như giá trị nhỏ nhất để ấn định số thuế phải nộp trong trường hợp thanh tra thuế/giá chuyển nhượng.</p>

cho giá mua là giá trị **không cao hơn giá trị trung vị** của thuộc biên độ giá thị trường chuẩn xác định bởi cơ quan thuế.

PHẦN 3: CHI PHÍ TRẢ CHO BÊN LIÊN KẾT KHÔNG ĐƯỢC TRỪ CHO MỤC ĐÍCH TÍNH THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nghị định 20 đưa ra chi tiết các chi phí đối với giao dịch liên kết không được trừ cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp dựa trên nguyên tắc “bản chất quyết định hình thức”, bao gồm:

Bảng 3

STT	Loại chi phí	Chi phí liên quan đến giao dịch liên kết không được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp
1	Chi phí thanh toán cho bên liên kết mà bên liên kết thuộc vào một trong các đối tượng:	<ul style="list-style-type: none"> i. Không thực hiện bất kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh nào liên quan đến ngành nghề, hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế; ii. Có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng quy mô tài sản, số lượng nhân viên và chức năng sản xuất, kinh doanh không tương xứng với giá trị giao dịch mà bên liên kết nhận được từ người nộp thuế; iii. Không có quyền lợi, trách nhiệm liên quan đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho người nộp thuế; iv. Là đối tượng cư trú của một nước hoặc vùng lãnh thổ không thu thuế thu nhập doanh nghiệp, không góp phần tạo ra doanh thu, giá trị gia tăng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế.
2	Các khoản thanh toán cho bên liên kết để nhận được dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> i. Chi phí phát sinh từ các dịch vụ được cung cấp chỉ nhằm mục đích phục vụ lợi ích hoặc tạo giá trị cho các bên liên kết khác; ii. Dịch vụ phục vụ lợi ích cổ đông của bên liên kết; dịch vụ tính phí trùng lặp do nhiều bên liên kết cung cấp cho cùng một loại dịch vụ, không xác định được giá trị gia tăng cho người nộp thuế; iii. Dịch vụ về bản chất là các lợi ích người nộp thuế nhận được do là thành viên của một tập đoàn; và iv. Chi phí mà bên liên kết cộng thêm đối với dịch vụ do bên thứ ba cung cấp thông qua trung gian bên liên kết không đóng góp thêm giá trị cho dịch vụ.

Nghị định 20 cũng quy định mức trần cho chi phí lãi vay được trừ, theo đó, tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ của người nộp thuế (EBITDA). Quy định này không áp dụng cho người nộp thuế là đối tượng áp dụng của Luật các tổ chức tín dụng và Luật kinh doanh bảo hiểm.

Mặc dù Quy định này liên quan tới nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp hơn là vấn đề về giá chuyển nhượng; từ góc nhìn của giá chuyển nhượng, điều này có thể được hiểu rằng Chính phủ đang nỗ lực trong việc giới hạn chi phí lãi vay sử dụng như công cụ để chuyển lợi nhuận ra ngoài Việt Nam. Do đó, người nộp thuế cần đánh giá lại tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu và tỷ lệ vay giữa bên liên kết và bên độc lập.

PHẦN 4: CÁC TRƯỜNG HỢP MIỄN NGHĨA VỤ CHUẨN BỊ HỒ SƠ XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT VÀ TỜ KHAI

Nghị định 20 cũng đưa ra một số quy định nới lỏng việc chuẩn bị hồ sơ/kê khai cho những trường hợp như sau:

Bảng 4:

Miễn kê khai/ lập Hồ sơ	Trường hợp người nộp thuế được miễn
Miễn kê khai mục III và IV Mẫu 01	<ul style="list-style-type: none"> i. Chỉ phát sinh giao dịch với các bên liên kết là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam, và ii. Bên liên kết áp dụng cùng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp với người nộp thuế
Miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết (Tuy nhiên các biểu mẫu vẫn phải kê khai)	<ul style="list-style-type: none"> i. Có phát sinh giao dịch liên kết nhưng tổng doanh thu phát sinh của kỳ tính thuế dưới 50 tỷ đồng và tổng giá trị tất cả các giao dịch liên kết phát sinh trong kỳ tính thuế dưới 30 tỷ đồng. ii. Người nộp thuế đã ký kết Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá ("APA") thực hiện nộp Báo cáo thường niên theo quy định pháp luật về Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá (Chỉ áp dụng với giao dịch trong APA); iii. Thực hiện kinh doanh với chức năng đơn giản, không phát sinh doanh thu, chi phí từ hoạt động khai thác, sử dụng tài sản vô hình, có doanh thu dưới 200 tỷ đồng, áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần trước lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu, bao gồm các lĩnh vực như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Phân phối: Từ 5% trở lên; - Sản xuất: Từ 10% trở lên; - Gia công: Từ 15% trở lên.

PHẦN 5: GIỚI THIỆU CÁC BIỂU MẪU ĐÍNH KÈM NGHỊ ĐỊNH 20

Nghị định 20 giới thiệu 4 Biểu mẫu và yêu cầu rất nhiều thông tin cần phải kê khai hơn so với Tờ khai Thông tin giao dịch liên kết được yêu cầu theo Thông tư 156/2013/TT-BTC ("thông tư 156") hướng dẫn thực hiện việc xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết hiện hành. Theo đó, người nộp thuế có trách nhiệm lưu giữ và cung cấp hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết gồm:

- ❖ Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo Mẫu số 01 đính kèm Nghị Định 20
- ❖ Hồ sơ quốc gia với các nội dung được yêu cầu theo Danh mục các thông tin, tài liệu tại Mẫu số 02 đính kèm Nghị Định 20.
- ❖ Hồ sơ toàn cầu với các nội dung được yêu cầu theo Danh mục các thông tin, tài liệu theo Mẫu số 03 đính kèm Nghị Định 20.
- ❖ Kê khai thông tin Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao với các nội dung được yêu cầu theo Mẫu số 04 đính kèm Nghị Định 20. (*)

(*) Khái niệm Công ty mẹ tối cao của tập đoàn trong Nghị định 20 được sử dụng để chỉ pháp nhân có vốn chủ sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp tại các pháp nhân khác của một tập đoàn đa quốc gia và không bị sở hữu của bất kỳ pháp nhân nào khác. Báo cáo tài chính của Công ty mẹ tối cao của tập đoàn không được hợp nhất vào bất kỳ báo cáo tài chính của một pháp nhân nào khác trên toàn cầu.

Mẫu 04 sẽ được kê khai trong các trường hợp sau:

- ✓ Người nộp thuế là Công ty mẹ tối cao tại Việt Nam có doanh thu hợp nhất toàn cầu trong kỳ tính thuế từ 18.000 tỷ đồng trở lên.
- ✓ Khi người nộp thuế có Công ty mẹ tối cao tại nước ngoài, người nộp thuế có trách nhiệm cung cấp bản sao Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao trong trường hợp Công ty mẹ tối cao của người nộp thuế phải nộp Báo cáo này cho Cơ quan thuế nước sở tại theo biểu mẫu kê khai của Cơ quan thuế nước sở tại. Trong trường hợp người nộp thuế không cung cấp được Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia, người nộp thuế phải có văn bản giải thích lý do, căn cứ pháp lý và trích dẫn quy định pháp luật cụ thể của nước đối tác về việc không cho phép người nộp thuế cung cấp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia.

Vui lòng xem thêm phụ lục để biết thêm chi tiết về các biểu mẫu này.

PHẦN 6: THỜI HẠN CHO VIỆC TUÂN THỦ VÀ CÁC YÊU CẦU CHUẨN BỊ BÁO CÁO

Theo hướng dẫn của Nghị định 20, thời hạn cho việc chuẩn bị, lưu giữ, xuất trình Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết như sau:

- Chuẩn bị Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết hàng năm trước thời điểm kê khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Thời hạn cung cấp thông tin tại Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết:
 - ✓ Khi Cơ quan thuế thực hiện thanh tra, kiểm tra người nộp thuế, thời hạn cung cấp Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết là không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu của Cơ quan thuế.
 - ✓ Khi Cơ quan thuế tiến hành quá trình tham vấn trước thanh tra, thời hạn cung cấp Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết là không quá 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu, gia hạn 1 lần không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn.

Như vậy, việc làm gộp Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết cho nhiều năm có thể bị coi là vi phạm quy định trên và sẽ không được chấp nhận.

PHẦN 7: QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN THUẾ TRONG QUẢN LÝ GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

Cơ quan thuế có quyền ấn định số thuế phải nộp theo nguyên tắc sau:

- **Trường hợp người nộp thuế có đầy đủ hệ thống sổ sách kế toán, hóa đơn, chứng từ:** Việc ấn định doanh thu, chi phí hoặc thu nhập chịu thuế để xác định nghĩa vụ thuế được thực hiện theo các nguyên tắc phân tích so sánh, phương pháp xác định giá giao dịch liên kết và cơ sở dữ liệu sử dụng trong quản lý giá giao dịch liên kết được quy định tại Nghị định 20.
- **Các trường hợp khác:** Việc ấn định thuế sẽ căn cứ vào cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định về ấn định thuế đối với doanh nghiệp chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ hoặc các quy định xử lý vi phạm về thuế.

Cơ quan thuế có quyền ấn định mức giá; tỷ suất lợi nhuận; tỷ lệ phân bổ lợi nhuận được sử dụng để kê khai tính thuế, ấn định thu nhập chịu thuế hoặc số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với các trường hợp sau:

- Người nộp thuế không kê khai, kê khai không đầy đủ thông tin hoặc không nộp Mẫu số 01 quy định tại Nghị định 20;
- Cung cấp không đầy đủ thông tin Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo quy định tại Mẫu số 02 và Mẫu số 03 kèm theo Nghị định 20 hoặc không xuất trình Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết và các dữ liệu, chứng từ và tài liệu được sử dụng làm căn cứ phân tích so sánh;
- Sử dụng các thông tin về giao dịch độc lập không trung thực, không đúng thực tế để phân tích so sánh, kê khai xác định giá giao dịch liên kết hoặc dựa vào các tài liệu, dữ liệu và chứng từ không hợp pháp, không hợp lệ hoặc không nêu rõ nguồn gốc xuất xứ để xác định mức giá, tỷ suất lợi nhuận hoặc tỷ lệ phân bổ lợi nhuận áp dụng cho giao dịch liên kết;
- Có hành vi vi phạm các quy định về xác định giá giao dịch liên kết.

PHẦN 8: ĐÁNH GIÁ CHUNG

Hầu hết các thay đổi trong Nghị định 20 nhằm hướng đến nỗ lực đưa các quy định về Giá chuyển nhượng tiến gần hơn với các hướng dẫn đề xuất của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và các chương trình hành động Chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận (BEPS) đồng thời giúp hoàn thiện hơn các quy định hiện hành. Về mặt tuân thủ, Nghị định 20 yêu cầu sự hợp tác nhất định giữa người nộp thuế và Tập đoàn quản lý cấp trên để cùng nhau chuẩn bị các thông tin và số liệu cần thiết nhằm cung cấp cho cơ quan thuế Việt Nam trong thời hạn cho phép, do có nhiều dữ liệu có thể không sẵn có ở cấp độ quốc gia.

Liên quan đến các điều khoản về miễn trừ được đề cập trong phần 4, người nộp thuế được khuyến nghị đánh giá lại mô hình kinh doanh để xem xét có cần thay đổi gì để đáp ứng hướng dẫn trong Nghị định 20, hoặc để để người nộp thuế có thể được miễn trừ các nghĩa vụ tuân thủ về quy định giá chuyển nhượng. Để làm được điều này, người nộp thuế có thể xem xét các khía cạnh, nhưng không giới hạn, bao gồm:

- Soát xét và đánh giá lại mô hình kinh doanh hiện có – có thay đổi gì cần thực hiện để đáp ứng hướng dẫn trong Nghị định 20? Công ty sẽ có lợi gì hơn từ khía cạnh thuế khi thay đổi mô hình kinh doanh hiện có?
- Soát xét các hợp đồng với bên liên kết theo quy định mới.
- Soát xét bản chất của các khoản thanh toán cho dịch vụ được cung cấp bởi công ty khác trong cùng tập đoàn.
- Kiểm tra sự khả thi của việc được miễn giảm nghĩa vụ thuế.
- Soát xét lại các mối quan hệ với bên liên kết theo quy định mới.
- Xem xét liệu việc tuân thủ quy định về giá chuyển nhượng có được thực hiện đúng thời hạn hay không?

Nghị định 20 sẽ có hiệu lực từ ngày 1 tháng 5 năm 2017. Người nộp thuế có năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và có thời hạn quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp là cuối tháng 6 năm 2017, theo quan điểm của Deloitte, sẽ vẫn tuân theo các hướng dẫn về kê khai Biểu mẫu và chuẩn bị Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết theo các quy định hiện hành. Mặc dù vậy, nếu có khác biệt ở các văn bản sau, chúng tôi sẽ cập nhật ngay khi có hướng dẫn từ các cơ quan ban ngành về thời điểm áp dụng cụ thể.

* * * * *

PHỤ LỤC: TỔNG HỢP CÁC BIỂU MẪU ĐƯỢC ĐÍNH KÈM VỚI NGHỊ ĐỊNH 20

1. Mẫu 01 – Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết

Mẫu 01 dựa trên Tờ khai Thông tin giao dịch liên kết theo Thông tư 156, tuy nhiên Mẫu 01 kê khai thêm một số nội dung.

- **Phần I – Thông tin về bên liên kết bao** gồm tên, quốc gia, mã số thuế và loại liên kết
- **Phần II- Các trường hợp được miễn nghĩa vụ kê khai và nộp Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết:** Phần này yêu cầu người nộp thuế kê khai trường hợp được miễn việc chuẩn bị kê khai trong phần III và phần IV của Mẫu 01 và chuẩn bị Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết như nêu ở trên.
- **Phần III – Kê khai các giao dịch liên kết:** Bên cạnh những yêu cầu phía trên về kê khai các giao dịch liên kết, phần này cũng yêu cầu người nộp thuế kê khai các khoản thu hộ/chi hộ/phân bổ doanh thu/chi phí cho cơ sở thường trú vào cột (12). Ở cột (13) ở phần này, người nộp thuế được yêu cầu kê khai liệu các giao dịch với bên liên kết có phải giao dịch thuộc phạm vi áp dụng của Thỏa thuận trước về Phương pháp xác định giá tính thuế (APA) hay không.
- **Phần IV - Kết quả sản xuất kinh doanh sau khi xác định giá giao dịch liên kết:** Mục này là yêu cầu mới được đưa ra kể từ Nghị định 20. Mục 4 yêu cầu người nộp thuế kê khai kết quả kinh doanh sau khi xác định giá giao dịch liên kết theo từng ngành nghề: (i) ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ; (ii) ngành ngân hàng, tín dụng; (iii) công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Đối với mỗi ngành nghề, mục này yêu cầu người nộp thuế kê khai kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo giá trị ghi nhận từ giao dịch với các bên liên kết và giá trị ghi nhận từ giao dịch với các bên độc lập. Đối với giá trị ghi nhận từ giao dịch với các bên liên kết, doanh nghiệp phải kê khai giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết và theo APA.

2. Mẫu 02 – Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại Hồ sơ Quốc gia

- (i) Thông tin về người nộp thuế bao gồm thông tin cơ cấu quản lý và tổ chức, thông tin chi tiết về hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh doanh, thông tin các đối thủ cạnh tranh chính.
- (ii) Thông tin về các giao dịch liên kết trọng yếu: loại giao dịch, mô tả giao dịch, quan hệ giữa các bên liên kết, phân tích chức năng, phương pháp xác định giá, các giả định trọng yếu, các điều chỉnh so sánh đã thực hiện, bản sao hợp đồng với bên liên kết v.v...
- (iii) Các thông tin tài chính: báo cáo tài chính của người nộp thuế cho năm kê khai, các dữ liệu tài chính liên quan trong quá trình phân tích so sánh, giải trình nguyên nhân đối với các doanh nghiệp có kết quả kinh doanh thu lỗ từ ba năm trở lên, v.v...

3. Mẫu 03 – Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại Hồ sơ Toàn cầu

- (i) Cơ cấu tổ chức của Tập đoàn như cơ cấu sở hữu, vị trí địa lý của các công ty con trong Tập đoàn đang hoạt động.
- (ii) Thông tin về hoạt động kinh doanh của Tập đoàn như kênh tạo ra lợi nhuận kinh doanh, mô tả chuỗi cung ứng của năm sản phẩm và/ hoặc dịch vụ lớn nhất của Tập đoàn tính theo doanh thu và bất kỳ hàng hóa và/hoặc dịch vụ nào chiếm hơn 5% doanh thu Tập đoàn, bao gồm thông tin về thị trường địa lý chính của các hàng hóa, dịch vụ này, mô tả các thoả thuận dịch vụ trọng yếu v.v...
- (iii) Thông tin về tài sản vô hình của Tập đoàn như vị trí các cơ sở nghiên cứu phát triển (R&D), danh mục các tài sản vô hình, các thoả thuận quan trọng, v.v...

- (iv) Các hoạt động tài chính nội bộ Tập đoàn như mô tả chung về cơ chế phân bổ tài chính của Tập đoàn, chính sách giá chuyển nhượng, v.v...
- (v) Kết quả kinh doanh và nghĩa vụ thuế của Tập đoàn như Báo cáo tài chính hợp nhất của năm kê khai của Tập đoàn, thuế suất áp dụng xác định nghĩa vụ thuế tương ứng lợi nhuận thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các bên liên kết có giao dịch liên kết với người nộp thuế, các thoả thuận về APA, v.v...

4. Mẫu 04 – Kê khai thông tin Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia

- (i) Tổng quan về hoạt động phân bổ thu nhập, thuế và hoạt động kinh doanh theo quốc gia cư trú bao gồm các thông tin như doanh thu của bên độc lập và bên liên kết của Tập đoàn, tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, thuế thu nhập đã nộp, vốn đăng ký, lợi nhuận lũy kế, số lượng nhân viên, tài sản hữu hình (ngoại trừ tiền và các khoản tương đương tiền).
- (ii) Danh mục các công ty con của Tập đoàn theo quốc gia cư trú.

Nếu Quý Doanh nghiệp có bất cứ vướng mắc nào, xin vui lòng liên hệ trực tiếp với chúng tôi.

Liên hệ

Thomas McClelland

Phó Tổng Giám đốc phụ trách
Dịch vụ Tư vấn Thuế
+84 (8) 3910 0751
tmccllland@deloitte.com

Bùi Ngọc Tuấn

Phó Tổng Giám đốc
Dịch vụ Tư vấn Thuế
+84 (4) 6268 3568
tbui@deloitte.com

Bùi Tuấn Minh

Phó Tổng Giám đốc
Dịch vụ Tư vấn Thuế
+84 (4) 6268 3568
mbui@deloitte.com

Phan Vũ Hoàng

Phó Tổng Giám đốc
Dịch vụ Tư vấn Thuế
+84 (8) 3910 0751
hoangphan@deloitte.com

Dion Thái Phương

Phó Tổng Giám đốc
Dịch vụ Tư vấn Thuế
+84 (8) 3910 0751
dthai@deloitte.com

Đình Mai Hạnh

Giám đốc Tư vấn Thuế
+84 (4) 6268 3568
handinh@deloitte.com

Joy Mukherjee

Giám đốc Tư vấn Thuế
+84 (8) 3910 0751
joybmukherjee@deloitte.com

Website: www.deloitte.com/vn
Email: deloittevietnam@deloitte.com

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin chung, và không một hãng Deloitte Touche Tohmatsu Limited, hay bất kỳ một hãng thành viên hay công ty con (sau đây được gọi chung là "Mạng lưới các công ty Deloitte") được xem là, trong phạm vi của tài liệu này, cung cấp dịch vụ hay đưa ra những tư vấn về chuyên môn. Không một hãng thành viên nào thuộc Mạng lưới các công ty Deloitte chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại do kết quả của việc người đọc dựa vào tài liệu này.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay “Deloitte Toàn cầu”) không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Deloitte cung cấp các dịch vụ kiểm toán, tư vấn, giải pháp tài chính, tư vấn rủi ro, tư vấn thuế và các dịch vụ liên quan cho các khách hàng tư nhân hoặc các công ty công hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Deloitte cung cấp dịch vụ cho 80% các doanh nghiệp trong danh sách Fortune Global 500®. Với mạng lưới các hãng thành viên kết nối toàn cầu tại hơn 150 quốc gia và vùng lãnh thổ, Deloitte mang đến năng lực đẳng cấp toàn cầu và các dịch vụ chất lượng vượt trội, cung cấp tới các khách hàng những hiểu biết cần thiết để giải quyết những vấn đề kinh doanh phức tạp nhất. Vui lòng kết nối với chúng tôi tại Facebook, LinkedIn hoặc Twitter để hiểu thêm về những hoạt động đang được thực hiện bởi khoảng 245.000 chuyên gia tư vấn của Deloitte nhằm kiến tạo và lan tỏa những ảnh hưởng tích cực đến xã hội.

Giới thiệu về Deloitte Đông Nam Á

Deloitte Đông Nam Á là một hãng thành viên của Deloitte hoạt động tại Brunei, Campuchia, Guam, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam được thành lập để cung cấp những dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu cụ thể của các công ty, tập đoàn lớn có tốc độ phát triển nhanh trong khu vực.

Với hơn 290 Partners và 7.400 nhân viên chuyên nghiệp làm việc tại 25 văn phòng, các công ty con và công ty liên kết của Deloitte Đông Nam Á kết hợp kỹ thuật chuyên môn sâu rộng cùng sự am hiểu về nhiều lĩnh vực để cung cấp các dịch vụ chất lượng cao và nhất quán tới các doanh nghiệp trong toàn khu vực.

Các dịch vụ được cung cấp thông qua các văn phòng ở các nước thành viên, công ty con và công ty liên kết. Những công ty này là những pháp nhân riêng biệt.

Giới thiệu về Deloitte Việt Nam

Deloitte Việt Nam là Công ty tiên phong trong lĩnh vực Tư vấn và Kiểm toán với kinh nghiệm hơn 25 năm tại thị trường Việt Nam, và là thành viên của một trong Bốn hãng cung cấp dịch vụ chuyên ngành lớn nhất trên thế giới. Với khoảng 800 nhân viên làm việc tại văn phòng Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh được tiếp cận với toàn bộ thể mạnh của Deloitte Đông Nam Á với các hãng thành viên tại Brunei, Campuchia, Guam, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore và Thái Lan, thông qua mạng lưới rộng lớn này, Deloitte Việt Nam cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng tới khách hàng bao gồm Dịch vụ tư vấn Thuế, Tư vấn Tài chính, Tư vấn Rủi ro, Tư vấn, Kiểm toán, và các Dịch vụ Đào tạo chuyên ngành.